

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
đã được soát xét

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LIMITED (AASC)



Trụ sở chính:

Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam.

Tel : (84.4) 3824 1960 / 1

Fax: (84.4) 3625 3973

E-mail: aascnh@hn.vnn.vn

Website: www.aasc.com.vn

Chi nhánh tại TP. HCM:

Số 27 đường Lam Sơn - Phường 2

Quận Tân Bình - TP. HCM

Tel : (84.8) 3848 5963 - 3848 5776

Fax: (84.8) 3547 1838

VPĐD tại Quảng Ninh:

Cột 2, đường Nguyễn Văn Cừ

TP. Hạ Long - Quảng Ninh

Tel : (84.33) 3627571

Fax: (84.33) 3627572

E-mail: aascqn@aasc.com.vn

AFFILIATE
INPACT
INTERNATIONAL NETWORK OF
PROFESSIONAL ACCOUNTANTS

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-22
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2007.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 75A, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Kim Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Cương	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Hùng	Ủy viên
Ông Trần Thiên Hà	Ủy viên
Ông Trịnh Trung Chính	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Ngô Thị Ngát	Trưởng ban
Ông Phạm Nguyễn Hoàng	Ủy viên
Ông Trần Văn Tuấn	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Số 75A, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2010



Số: 15/2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát được lập ngày 12 tháng 07 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Tại thời điểm 30/06/2010, Công ty chưa thực hiện trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết theo giá trị trường với tổng số tiền là 3.210.428.704 đồng. Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng do không có cơ sở xác định giá trị trường và Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản mục đầu tư cổ phiếu này là hợp lý tại thời điểm 30/06/2010.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: D0063/KTV

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2010

Vũ Xuân Biên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		161.446.670.170	158.780.939.706
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		19.428.846.277	16.371.004.161
111	1. Tiền	4	4.928.846.277	16.371.004.161
112	2. Các khoản tương đương tiền		14.500.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	33.788.065.898	66.986.125.581
121	1. Đầu tư ngắn hạn		36.073.670.812	69.271.730.495
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(2.285.604.914)	(2.285.604.914)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	106.588.084.076	73.626.458.449
132	2. Trả trước cho người bán		58.185.901	406.888.071
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		103.274.323.675	68.155.283.128
138	5. Các khoản phải thu khác		3.255.574.500	5.064.287.250
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.641.673.919	1.797.351.515
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.435.357.832	1.767.011.422
154	4. Tài sản ngắn hạn khác		206.316.087	30.340.093
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.662.114.693	6.132.589.785
220	II. Tài sản cố định		6.054.631.908	5.552.489.791
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	4.299.805.877	4.102.541.595
222	- Nguyên giá		5.839.511.912	5.264.781.762
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.539.706.035)	(1.162.240.167)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	1.754.826.031	1.397.565.904
228	- Nguyên giá		2.346.048.730	1.780.148.730
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(591.222.699)	(382.582.826)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	52.382.292
260	V. Tài sản dài hạn khác		607.482.785	580.099.994
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	9	247.969.535	220.586.744
268	4. Tài sản dài hạn khác		359.513.250	359.513.250
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		168.108.784.863	164.913.529.491

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		20.518.062.269	20.886.237.614
310	I. Nợ ngắn hạn		20.518.062.269	20.886.237.614
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	1.900.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	4.803.614.080	1.908.848.093
315	5. Phải trả người lao động		294.467.973	-
316	6. Chi phí phải trả		-	61.753.000
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		210.375.864	52.872.440
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		225.704.033	-
328	12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11	14.943.900.319	16.962.764.081
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		147.590.722.594	144.027.291.877
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	147.590.722.594	144.027.291.877
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	881.499.995
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.839.722.594	8.145.791.882
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		168.108.784.863	164.913.529.491

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
005	5. Ngoại tệ các loại (USD)		402,46	-
006	6. Chứng khoán lưu ký		183.253.180.000	91.310.670.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		152.999.580.000	91.310.670.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		19.422.280.000	18.657.240.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		132.777.300.000	71.853.430.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		800.000.000	800.000.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		25.130.500.000	-
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		25.130.500.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		5.125.100.000	-
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		500.000.000	-
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		4.625.100.000	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	5.319.720.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		-	5.319.720.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		-	5.319.720.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		7.507.000.000	7.507.000.000


Lê Văn Hào
Kế toán trưởng




Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 12 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND
01	1. Doanh thu	13	26.225.762.507
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		7.907.765.859
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		6.375.469.280
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		22.000.000
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		750.000
01.9	Doanh thu khác		11.919.777.368
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		26.225.762.507
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	14	5.479.373.143
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		20.746.389.364
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	5.706.324.408
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.040.064.956
31	8. Thu nhập khác		200.000
32	9. Chi phí khác		341.145.000
40	10. Lợi nhuận khác		(340.945.000)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.699.119.956
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16	3.425.689.239
52	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.273.430.717
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		835

Lê Văn Hào
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 12 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.699.119.956
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	Khấu hao tài sản cố định		586.105.741
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.681.711.774)
06	Chi phí lãi vay		772.400.755
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		4.375.914.678
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(33.137.601.621)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.801.940.317)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.526.655.104)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		331.653.590
13	Tiền lãi vay đã trả		(772.400.755)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.111.780.759)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.992.811.512)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(43.635.621.800)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.088.247.858)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ của đơn vị khác		38.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.681.711.774
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		48.593.463.916
	. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		80.412.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(82.312.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.900.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.057.842.116
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		16.371.004.161
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ		19.428.846.277

Lê Văn Hào
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 12 tháng 07 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2007.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 75A, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng). Tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	Số 13 Cao Thắng, Quận 3, TP HCM	Môi giới chứng khoán

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	08	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền tháng để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại (hợp đồng "repo")

Các giao dịch chứng khoán liên quan đến việc mua/ bán chứng khoán từ/ cho khách hàng và bán lại cho/ mua lại từ chính xác khách hàng đó vào một ngày cụ thể trong tương lai với giá cụ thể được gọi là các hợp đồng repo. Khi có các giao dịch repo, Công ty ghi nhận vào sổ sách một khoản tài sản/ nợ phải trả bằng với giá bán lại/ mua lại vào một ngày cụ thể trong tương lai. Phần chênh lệch giữa giá bán lại/ mua lại và giá mua/ bán sẽ được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả (doanh thu ghi nhận trước)/tài sản (chi phí chờ kết chuyển) và sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một khoản thu nhập/ chi phí theo thời hạn của hợp đồng repo.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tăng giảm chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ (VND)
Của Công ty Chứng khoán	1.510.630	47.204.628.000
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	1.510.630	47.204.628.000
Của người đầu tư	50.146.170	1.641.407.393.700
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	50.146.170	1.641.407.393.700
	51.656.800	1.688.612.021.700

4 . TIỀN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	69.935.564	25.265.227
Tiền gửi ngân hàng	223.528.679	1.254.360.871
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	4.635.382.034	15.091.199.063
	4.928.846.277	16.371.004.161

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	36.073.670.812	31.271.730.495
- Chứng khoán niêm yết	24.948.300.812	20.146.360.495
- Chứng khoán chưa niêm yết	11.125.370.000	11.125.370.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	38.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	38.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(2.285.604.914)	(2.285.604.914)
	33.788.065.898	66.986.125.581

(*) Tại thời điểm 30/06/2010, Công ty chưa thực hiện trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết theo giá trị trường với tổng số tiền là 3.210.428.704 đồng. Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng do không có cơ sở xác định giá trị trường và Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản mục đầu tư cổ phiếu này là hợp lý tại thời điểm 30/06/2010.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trả trước cho người bán	58.185.901	406.888.071
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	103.274.323.675	68.155.283.128
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	103.274.323.675	68.089.283.128
+ Phải thu tiền vay tạm ứng bán chứng khoán	8.670.150.000	26.136.497.000
+ Phải thu tiền vay cầm cố chứng khoán	516.000.000	516.000.000
+ Phải thu tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	94.023.404.821	41.335.880.938
+ Phải thu khác	64.768.834	100.905.190
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) CK	-	66.000.000
Phải thu khác	3.255.574.500	5.064.287.250
- Phải thu tiền gốc các hợp đồng Repo	3.255.574.500	5.064.287.250
	106.588.084.076	73.626.458.449

7 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	3.966.518.776	1.118.800.000	179.462.986	5.264.781.762
Số tăng trong kỳ	574.730.150	-	-	574.730.150
- Mua sắm mới	574.730.150			574.730.150
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.541.248.926	1.118.800.000	179.462.986	5.839.511.912
Giá trị đã hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	855.297.444	256.391.667	50.551.056	1.162.240.167
Số tăng trong kỳ	289.554.443	69.925.000	17.986.425	377.465.868
- Trích khấu hao	289.554.443	69.925.000	17.986.425	377.465.868
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.144.851.887	326.316.667	68.537.481	1.539.706.035
Giá trị còn lại				
Đầu kỳ	3.111.221.332	862.408.333	128.911.930	4.102.541.595
Cuối kỳ	3.396.397.039	792.483.333	110.925.505	4.299.805.877

8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.519.248.730	260.900.000	1.780.148.730
Số tăng trong kỳ	-	565.900.000	565.900.000
- Mua sắm mới	-	565.900.000	565.900.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.519.248.730	826.800.000	2.346.048.730
Giá trị đã hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	361.249.492	21.333.334	382.582.826
Số tăng trong kỳ	151.924.873	56.715.000	208.639.873
- Trích khấu hao	151.924.873	56.715.000	208.639.873
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	513.174.365	78.048.334	591.222.699
Giá trị còn lại			
Đầu kỳ	1.157.999.238	239.566.666	1.397.565.904
Cuối kỳ	1.006.074.365	748.751.666	1.754.826.031

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 30/06/2010	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
135.000.000.000	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
	Nguyên giá	8.185.560.642	0,060
	Khấu hao	(2.130.928.734)	
	Giá trị còn lại	6.054.631.908	0,040

9 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Tiền nộp ban đầu	220.586.744
Tiền nộp bổ sung	(143.000)
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	27.525.791
Số cuối năm	247.969.535

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.667.788.657	1.835.012.931
Thuế TNCN	135.825.423	73.835.162
	4.803.614.080	1.908.848.093

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	16.036.220	8.784.220
Bảo hiểm xã hội	49.219.795	34.187.300
Phải trả tiền lương kinh doanh và tiền phép	58.436.743	319.861.023
Tiền mua cổ phần chưa xác định được đối tượng	-	1.160.119.000
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	4.635.382.034	15.091.199.063
Phải trả Công ty Cổ phần FPT theo hợp đồng HTKD	10.000.000.000	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	19.750.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	165.075.527	348.613.475
	14.943.900.319	16.962.764.081

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Số 75A, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo nguồn vốn chủ sở hữu
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

12 . CHI TIẾT TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	135.000.000.000	-	881.499.995	8.145.791.882	144.027.291.877	
Phân phối quỹ năm trước (*)	-	306.000.000	(436.499.995)	130.499.995	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trên LN năm trước (*)	-	-	-	(960.000.000)	(960.000.000)	
Trả cổ tức trên LN năm trước (*)	-	-	-	(6.750.000.000)	(6.750.000.000)	
Lãi kỳ này	-	-	-	11.273.430.717	11.273.430.717	
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	135.000.000.000	306.000.000	445.000.000	11.839.722.594	147.590.722.594	

(*) Theo biên bản đại hội cổ đông lần thứ ba số 01/2010/BB-DHDCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2010 về việc phân phối lợi nhuận năm 2009.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp của đối tượng khác	100%	135.000.000.000	100%	135.000.000.000
	<u>100%</u>	<u>135.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>135.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	135.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối kỳ	135.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.750.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:	6.750.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.000.000	-
Quỹ dự phòng tài chính	445.000.000	881.499.995
Cộng	<u>751.000.000</u>	<u>881.499.995</u>



13 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	26.225.762.507
Trong đó:	
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	7.907.765.859
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	6.375.469.280
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	22.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	750.000
- Doanh thu khác	11.919.777.368
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	26.225.762.507

14 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	421.316.149
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.772.186.963
Chi phí khác	897.900.755
Chi phí trực tiếp chung	2.387.969.276
- Chi phí nhân viên	184.293.569
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động	142.122.731
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.061.552.976
	5.479.373.143

15 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.184.334.967
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	701.633.140
Chi phí khấu hao TSCĐ	586.105.735
Thuế, phí và lệ phí	1.201.137.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	768.247.362
Chi phí khác bằng tiền	264.866.118
	5.706.324.408

16 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.699.119.956
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(996.363.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	341.145.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.337.508.000)
Tổng lợi nhuận tính thuế	13.702.756.956
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.425.689.239
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.425.689.239

17 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	11.273.430.717
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.273.430.717
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	835

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Số 75A, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

18. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

STT	Chi tiêu	Mối giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Tư vấn và bảo lãnh phát hành	Các bộ phận khác	Cộng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Danh thu thuần từ cung cấp dịch vụ bên ngoài	7.907.765.859	6.375.469.280	11.919.777.368	22.000.000	750.000	26.225.762.507
2	Khấu hao và chi phí phân bổ	315.114.756	39.389.345	1.102.901.646	-	-	1.457.405.747
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	3.251.905.936	406.488.242	11.381.670.778	-	-	15.040.064.956
4	Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản	-	-	-	-	-	-
5	Tài sản bộ phận	36.347.845.376	4.543.480.672	127.217.458.815	-	-	168.108.784.863
6	Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
	Tổng tài sản	36.347.845.376	4.543.480.672	127.217.458.815	-	-	168.108.784.863
8	Nợ phải trả bộ phận	6.186.742.226	4.987.930.309	9.325.590.980	17.211.983	586.772	20.518.062.269
9	Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	-
	Tổng nợ phải trả	6.186.742.226	4.987.930.309	9.325.590.980	17.211.983	586.772	20.518.062.269

b) Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

STT	Chi tiêu	Hà Nội	TP Hồ Chí Minh	Cộng
		VND	VND	VND
1	Danh thu thuần từ cung cấp dịch vụ bên ngoài	24.508.547.671	1.717.214.836	26.225.762.507
2	Tài sản bộ phận	167.259.848.492	848.936.371	168.108.784.863
3	Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản	-	-	-



19 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

20 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Do Công ty không lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 vì vậy không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ.



Lê Văn Hào
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 12 tháng 07 năm 2010